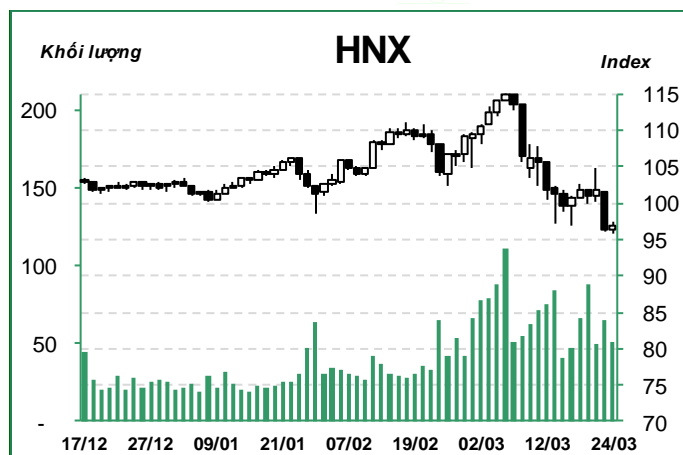
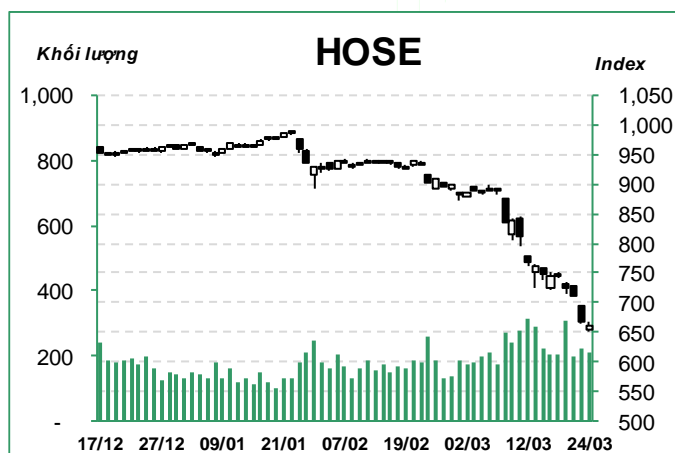


Tổng quan thị trường

24/03/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	659.21	-1.11%	625.43	-1.17%	96.95	0.50%
Cuối tuần trước	709.73	-7.12%	673.70	-7.16%	101.79	-4.76%
Trung bình 20 ngày	797.19	-17.31%	759.25	-17.63%	105.29	-7.93%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	245.15	-12.52%	98.20	-16.63%	66.67	-8.44%
KLGĐ khớp lệnh	212.66	-4.77%	85.90	5.97%	51.43	-20.56%
Trung bình 20 ngày	226.81	-6.24%	78.19	9.87%	68.19	-24.58%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	4,152.97	-13.99%	2,544.81	-15.42%	617.78	-18.12%
GTGD khớp lệnh	3,033.54	-4.88%	2,057.97	1.93%	407.27	-37.56%
Trung bình 20 ngày	3,312.19	-8.41%	2,074.54	-0.80%	692.73	-41.21%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	158	38%	10	33%	84	23%
Số mã giảm	196	47%	18	60%	67	18%
Số mã đứng giá	65	16%	2	7%	219	59%



Thị trường chứng khoán có sự giằng co trở lại sau phiên bán tháo mạnh ngày hôm trước. Lực cầu bắt đáy đã xuất hiện trở lại. Tuy nhiên, áp lực bán ngày một gia tăng của khối ngoại khiến thị trường vẫn chưa thể xuất hiện nhịp phục hồi trong ngắn hạn.

Chốt phiên, VN-Index giảm 7.38 điểm và đóng cửa tại mức 659.21 điểm (-1.11%). KLGĐ khớp lệnh đạt 212.7 triệu cổ phiếu (-4.8%), tương đương 3,034 tỷ đồng giá trị (-4.9%). Toàn sàn có 196 mã giảm điểm so với 158 mã tăng.

Với việc bộ 3 cổ phiếu họ Vingroup là Vingroup-VIC (-6.9%), Vinhomes-VHM (-6.9%), Vincom Retail-VRE (-6.8%) tiếp tục giảm sàn là nguyên nhân chính khiến VN-Index chìm trong sắc đỏ. Bên cạnh đó, Thế giới di động-MWG (-4.2%), Sabeco-SAB (-1.5%), PV Power-POW (-4.3%) cũng có phiên giảm điểm tương đối tiêu cực. Ở chiều ngược lại, PV Gas-GAS (+4.3%), Vinamilk-VNM (+2.9%), BIDV-BID (+2.6%), Vietcombank-VCB (+1.4%) và Bảo Việt-BVH (+7.0%) là những cổ phiếu tăng điểm đáng chú ý trong phiên hôm nay.

Khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh bán ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 660.2 tỷ đồng (+74.6%). Trong đó, Masan-MSN (-113.6 tỷ), Hòa Phát-HPG (-101.7 tỷ), Vincom Retail-VRE (-82.0 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trái lại, khối ngoại mua ròng một số cổ phiếu như Vietcombank-VCB (+5.4 tỷ), Vietinbank-CTG (+3.4 tỷ), Cao su Phước Hòa-PHR (+1.5 tỷ),...

Trên sàn Hà Nội, chỉ số có diễn biến trái ngược khi HNX-Index duy trì sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch và đóng cửa tại mức 96.95 điểm (+0.50%). KLGĐ khớp lệnh đạt 51.4

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
GAB	1,340.0	187.60
MSN	3,060.0	150.55
VIC	1,588.1	113.90
KDH	5,579.5	106.16
SVC	1,501.7	67.01
FPT	1,358.7	64.54
EIB	2,620.0	39.17
NVL	710.0	35.86
MWG	340.0	26.11
VPB	1,180.7	23.09
HNX		
SHB	6,065.3	71.57
HHC	344.3	34.43
ACB	1,511.6	31.94
MBG	3,484.7	25.44
IDC	1,153.0	20.28
VC3	914.2	13.81
TIG	1,007.8	4.78
PLC	338.5	3.35
GKM	115.5	1.74
BVS	200.0	1.60

triệu cổ phiếu (-20.6%), tương đương 407.3 tỷ đồng giá trị (-37.6%).

Đóng góp nhiều nhất cho sự phục hồi của chỉ số là các cổ phiếu Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.6%), Cảng Hải Phòng-PHP (+7.1%), Vicostone-VCS (+2.1%) hay Ngân hàng SHB-SHB (+0.8%). Ngược lại, Khí Miền Nam-PGS (-8.1%), Dệt may TNG-TNG (-9.9%), Idico-IDC (-1.2%) hay Chứng khoán MB-MBS (-3.4%) là những cổ phiếu giảm điểm đáng chú ý.

Giao dịch của khối ngoại có sự đột biến trong phiên hôm nay ở cả chiều mua và bán. Giá trị bán ròng tăng mạnh đạt mức 44.4 tỷ đồng (+209.6%). Dầu khí PTSC-PVS (-29.6 tỷ), Dệt may TNG-TNG (-13.0 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-1.6 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng một số cổ phiếu như Chứng khoán Artex-ART (+1.4 tỷ), Đầu tư Thăng Long-TIG (+0.2 tỷ), Hóa chất Lâm Thao-LAS (+0.1 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ tư liên tiếp. Khối lượng giao dịch suy giảm về dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đứng ngoài thị trường. Không những vậy, xu hướng giảm của chỉ số vẫn đang tiếp diễn, khi chỉ số đang duy trì đóng cửa dưới MA20, kèm theo chỉ báo xu hướng ADX đi lên vùng 64 và đường -DI nói rộng khoản cách lên phía trên so với +DI, cho thấy xu hướng giảm đang rất mạnh. Thêm vào đó, bộ chỉ báo MACD và RSI đang đi xuống tiêu cực, chỉ số có thể suy giảm về vùng 645 điểm (Fib 161.8) hoặc xa hơn có thể là vùng tâm lý 600 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến trái chiều, khi chỉ số có phiên tăng điểm nhẹ trở lại. Tuy nhiên, chỉ số vẫn duy trì đóng cửa dưới MA20, cho thấy xu hướng của chỉ số vẫn là giảm điểm, phiên tăng điểm có thể chỉ mang tính hồi kỹ thuật. Chỉ số có thể sớm suy giảm về thử thách ngưỡng 95 điểm (vùng đáy tháng 7/2018). Nhìn chung, xu hướng chính của thị trường vẫn là giảm điểm. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng danh mục ở mức an toàn nhằm tránh những rủi ro bất ngờ từ thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CLG	2.3	69.3	7.0%
BVH	34.6	656.6	7.0%
HRC	40.7	0.2	7.0%
BBC	46.8	0.6	7.0%
ABS	16.9	210.9	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TCL	15.3	11.0	-11.1%
VID	3.7	0.5	-7.0%
VPS	9.6	0.2	-7.0%
VNG	12.0	197.9	-7.0%
TCR	2.8	0.9	-7.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	17.1	235.3	-1.2%
MSN	49.1	173.9	-0.2%
VNM	86.1	149.8	2.9%
VRE	17.7	122.0	-6.8%
CTG	18.3	116.6	-0.8%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	17.1	13,831.4	-1.2%
FLC	3.1	11,045.4	-3.7%
HQC	1.1	10,814.5	-0.9%
DLG	1.8	8,513.6	4.7%
STB	8.8	7,815.2	-3.5%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BII	0.7	144.1	16.7%
KVC	0.9	391.1	12.5%
MPT	1.1	53.9	10.0%
IDV	32.2	4.5	9.9%
ICG	7.8	18.5	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HKB	0.6	314.0	-14.3%
PVX	0.7	200.3	-12.5%
KDM	1.8	30.4	-10.0%
TNG	9.1	2,237.1	-9.9%
MBG	7.3	10.6	-9.9%

Top 5 giá trị

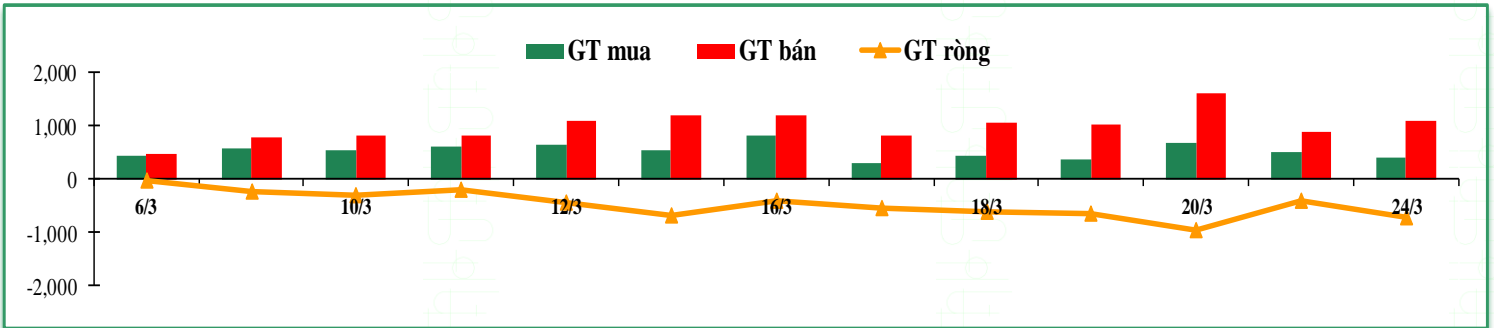
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	11.9	98.6	0.9%
ACB	19.6	84.2	1.6%
PVS	10.2	45.6	1.0%
NVB	8.4	22.2	0.0%
TNG	9.1	20.4	-9.9%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KLF	1.9	9,604.7	-9.5%
SHB	11.9	8,322.8	0.9%
ART	2.5	6,278.2	-3.9%
HUT	1.7	4,694.3	-5.6%
PVS	10.2	4,435.1	1.0%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	366.3	12.1%	1,026.5	33.8%	-660.2
HNX	31.7	7.8%	76.2	18.7%	-44.4
Tổng số	398.1		1,102.6		-704.6



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	71.5	106.6	-6.9%
FPT	44.5	60.4	0.2%
VCB	58.0	33.6	1.4%
VNM	86.1	29.4	2.9%
MWG	68.8	23.4	-4.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	49.1	116.7	-0.2%
VIC	71.5	115.9	-6.9%
HPG	17.1	110.4	-1.2%
VRE	17.7	84.1	-6.8%
VHM	55.3	70.2	-6.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	58.0	5.4	1.4%
CTG	18.3	3.4	-0.8%
PHR	37.2	1.5	-3.3%
FPT	44.5	1.2	0.2%
APG	8.3	1.0	4.4%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	19.6	31.0	1.6%
ART	2.5	1.5	-3.9%
TNG	9.1	0.3	-9.9%
TIG	4.3	0.2	-4.4%
VCS	52.4	0.2	2.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	19.6	31.0	1.6%
PVS	10.2	29.6	1.0%
TNG	9.1	13.4	-9.9%
BVS	8.2	1.8	-2.4%
VCS	52.4	0.6	2.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ART	2.5	1.4	-3.9%
TIG	4.3	0.2	-4.4%
LAS	5.2	0.1	0.0%
SDT	2.8	0.1	0.0%
PVI	26.8	0.1	1.1%

Tin trong nước

Việt Nam tạm dừng xuất khẩu gạo từ hôm nay

Tổng cục Hải quan vừa có văn bản hỏa tốc yêu cầu tạm dừng việc đăng ký, tiếp nhận và thông quan đối với các lô hàng gạo các loại xuất khẩu dưới mọi hình thức kể từ 0h ngày 24/3. Cục quản lý rủi ro được yêu cầu thiết lập tiêu chí đưa mặt hàng gạo các loại thuộc nhóm HS: 1006.20; 1006.30 và 1006.40 vào diện cấm xuất khẩu.

Quyết định này được đưa ra nhằm thực hiện kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về đảm bảo an ninh lương thực trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19. Thủ tướng nhấn mạnh an ninh lương thực luôn luôn và mãi mãi là vấn đề hết sức hệ trọng đối với mọi quốc gia, nhất là trong điều kiện dịch bệnh xảy ra trên thế giới.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt gần 929.000 tấn trong 2 tháng đầu năm nay, mang về hơn 430 triệu USD. So với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu mặt hàng này tăng 30,5% về lượng và 38,2% về giá trị.

Philippines hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất của gạo Việt Nam trong 2 tháng đầu năm với khối lượng nhập khẩu đạt trên 357.000 tấn gạo, chiếm 38% tổng xuất khẩu cả nước.

Nhiều thị trường ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu 3 con số, riêng Trung Quốc tăng 594,5% về lượng và giá trị tăng 723,6%. Một số thị trường cũng đẩy mạnh nhập khẩu gạo của Việt Nam như Pháp (tăng 554,1% về lượng và 723,6% về giá trị), Đài Loan (Trung Quốc) (tăng 214% về lượng và 257,5% về giá trị), Nga (tăng 218,2% về lượng và 156,4% về giá trị)...

Tháng 2, giá xuất khẩu gạo Việt Nam lên cao nhất hơn một năm do nhu cầu mạnh mẽ từ Philippines và Malaysia, theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản. Trong đó, giá gạo 5% tằm là 380 USD/tấn, tăng từ mức 355 - 360 USD/tấn đầu tháng. Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng do hiện tại vẫn thấp hơn đáng kể so với các nước sản xuất gạo khác.

Hãng ô tô đầu tiên tại Việt Nam tạm ngừng sản xuất vì Covid-19

Không chỉ Việt Nam mà nhà máy Ford tại các thị trường quốc tế bao gồm: Ấn Độ, Nam Phi và Thái Lan cũng được thông báo tạm ngừng sản xuất để ứng phó với dịch Covid-19.

Cụ thể, hoạt động sản xuất xe và động cơ sẽ được tạm dừng tại các nhà máy Ford trong khối các thị trường quốc tế (IMG) lần lượt từ ngày 21/3 tại Ấn Độ, ngày 26/3 tại nhà máy Ford Việt Nam ở Hải Dương và ngày 27/3 đối với nhà máy Ford tại Thái Lan và Nam Phi.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Sợi Thế Kỳ bắt đầu mua lại tối đa 5 triệu cổ phiếu từ 3/4

Công ty Sợi Thế Kỳ (HoSE: STK) thông báo bắt đầu mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ ngày 3/4 đến 29/4. Theo Nghị quyết HĐQT trước đó, STK dự kiến mua lại tối đa 5 triệu cổ phiếu, tương đương 7,1% vốn.

Công ty quyết định mua lại cổ phiếu khi nhận định thị giá cổ phiếu STK đang ở mức thấp hơn giá trị thực, hành động mua lại cổ phiếu nhằm bảo vệ quyền lợi cho công ty và cổ đông. Cổ phiếu STK chốt phiên 24/3 có giá 14.050 đồng/cp, giảm 26,3% trong vòng 1 tháng qua.

Năm 2020 doanh nghiệp dự báo doanh thu thuần tăng 14% đạt 2.541 tỷ đồng trên cơ sở giá bán giữ nguyên và tăng khối lượng bán. Tỷ trọng sợi tái chế (recycle) trên tổng doanh thu tăng từ mức 35% lên 50%. Lợi nhuận sau thuế tăng 9,4% lên 234,8 tỷ.

Năm 2019, doanh thu công ty đạt 2.229 tỷ đồng, giảm 7,4%. Lợi nhuận sau thuế đạt 214 tỷ đồng, tăng 20%. Công ty hoàn thành 86% kế hoạch doanh thu và vượt 7,5% kế hoạch lợi nhuận.

Dabaco muốn mua 5 triệu cổ phiếu quỹ

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HoSE: DBC) thông qua phương án mua lại 5 triệu cổ phiếu nhằm mục đích bình ổn giá cổ phiếu DBC và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.

Thời gian dự kiến giao dịch tối đa không quá 30 ngày từ khi bắt đầu thực hiện giao dịch, sau khi ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận và công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Công ty sẽ thực hiện giao dịch theo phương thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận tại HoSE với giá thị trường tại thời điểm giao dịch đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Chủ tịch HĐQT quyết định giá mua từng thời điểm cụ thể căn cứ vào tình hình thị trường. Chứng khoán SSI là đơn vị được chỉ định giao dịch.

Thị giá cổ phiếu DBC có giá 17.250 đồng/cp, tăng trần trong phiên 24/3

Cổ phiếu giảm về 18.100 đồng/cp, NBB tạm ứng cổ tức 25% bằng tiền

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HoSE: NBB) vừa thông báo chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt tỷ lệ 25% (1 cổ phiếu được nhận 2.500 đồng). Với hơn 93,3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự chi số tiền 233 tỷ đồng trong đợt này.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 3/4, ứng với ngày giao dịch không hưởng quyền 1/4. Thời gian chi trả dự kiến trong ngày 28/4.

Công ty Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh (CII) những năm gần đây liên tục mua thêm cổ phần NBB từ mức 12% đầu năm 2017 lên trên 70% như hiện tại. Với tỷ lệ này, CII sẽ nhận về dòng tiền lớn nhất, dự kiến hơn 163 tỷ đồng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VRE	Cắt lỗ	20/3/2020	17.7	21.9	-19.2%	24.0	10%	20.5	-6%	Thủng ngưỡng cắt lỗ nhưng tín hiệu cho khả năng dòng tiền bắt đáy, nên đợi nhịp hồi phục để thoát

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	MSN	Mua	23/3/2020	49.10	49.20	-0.2%	55.0	12%	46.5	-5%	
2	PVS	Mua	17/3/2020	10.20	10.80	-5.6%	13.0	20%	9.9	-8%	
3	SZC	Mua	16/3/2020	13.65	14.10	-3.2%	16.0	13%	13.2	-6%	
4	DGC	Mua	16/3/2020	21.50	22.80	-5.7%	27.0	18%	21.0	-8%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 24/03/2020								Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CDPM2001	1,000	250	13.64 %	-75%	19,524	87	11,400	0	KIS	DPM	14,567	2	19/06/2020
CDPM2002	1,700	1,460	8.96 %	-14%	2	267	11,400	135	KIS	DPM	15,252	1	16/12/2020
CFPT1905	9,900	500	25 %	-95%	786	29	44,500	(0)	SSI	FPT	55,000	1	22/04/2020
CFPT1906	1,700	50	25 %	-97%	19,199	15	44,500	(0)	HSC	FPT	57,000	5	08/04/2020
CFPT1908	3,150	500	11.11 %	-84%	11,182	85	44,500	0	MBS	FPT	54,000	3	17/06/2020
CFPT2001	1,600	390	11.43 %	-76%	63	90	44,500	0	HCM	FPT	56,000	5	22/06/2020
CFPT2002	2,900	290	-3.33 %	-90%	4,874	120	44,500	0	VCI	FPT	58,000	2	22/07/2020
CGMD1901	1,680	20	-33.33 %	-99%	21,928	35	15,700	(0)	MBS	GMD	24,929	3	28/04/2020
CGMD2001	1,000	60	50 %	-94%	27,718	90	15,700	0	HCM	GMD	25,000	4	22/06/2020
CHDB2001	2,000	120	-25 %	-94%	21,110	87	19,000	0	KIS	HDB	29,099	2	19/06/2020
CHDB2002	1,950	90	-10 %	-95%	10,021	17	19,000	(0)	MBS	HDB	26,000	2	10/04/2020
CHDB2003	2,700	670	3.08 %	-75%	1,174	267	19,000	1	KIS	HDB	32,123	2	16/12/2020
CHPG1907	4,200	400	-24.53 %	-90%	767	29	17,100	(0)	SSI	HPG	21,000	1	22/04/2020
CHPG1909	1,800	90	-10 %	-95%	22,216	52	17,100	(0)	KIS	HPG	24,680	2	15/05/2020
CHPG2001	1,800	100	-28.57 %	-94%	21	98	17,100	0	HCM	HPG	24,000	2	30/06/2020
CHPG2002	1,700	560	-3.45 %	-67%	2,030	267	17,100	2	KIS	HPG	29,999	2	16/12/2020
CHPG2003	1,570	150	7.14 %	-90%	32,720	41	17,100	(0)	MBS	HPG	22,100	3	04/05/2020
CMBB1903	4,000	90	-25 %	-98%	26,977	29	14,800	(0)	SSI	MBB	22,000	1	22/04/2020
CMBB1905	1,700	30	0 %	-98%	16,001	15	14,800	-	HSC	MBB	23,000	2	08/04/2020
CMBB2001	1,600	150	0 %	-91%	10,161	90	14,800	0	HCM	MBB	21,000	2	22/06/2020
CMSN1902	3,000	60	0 %	-98%	1,000	52	49,100	(0)	KIS	MSN	77,889	5	15/05/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2001	2,300	1,240	18.1 %	-46%	1,877	267	49,100	116	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMWG1907	1,900	30	0 %	-98%	3,415	15	68,800	-	HSC	MWG	125,000	10	08/04/2020
CMWG2001	1,700	50	0 %	-97%	27,505	90	68,800	0	HCM	MWG	115,000	10	22/06/2020
CMWG2002	1,950	100	0 %	-95%	7,961	108	68,800	0	MBS	MWG	110,000	10	10/07/2020
CMWG2003	1,530	30	0 %	-98%	1,500	31	68,800	(0)	MBS	MWG	114,500	10	24/04/2020
CNVL2001	2,300	1,770	18 %	-23%	2,000	267	52,000	77	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CPNJ2001	2,200	50	0 %	-98%	1,361	31	51,400	(0)	MBS	PNJ	83,500	5	24/04/2020
CREE1903	7,600	180	20 %	-98%	2,110	29	28,200	(0)	SSI	REE	36,000	1	22/04/2020
CREE1905	2,150	400	11.11 %	-81%	4,531	85	28,200	0	MBS	REE	34,600	3	17/06/2020
CREE2001	1,100	190	11.76 %	-83%	2,014	90	28,200	0	HCM	REE	36,000	5	22/06/2020
CROS2001	1,500	50	0 %	-97%	3,472	87	4,540	(0)	KIS	ROS	26,468	4	19/06/2020
CSBT2001	2,900	-	0 %	-100%	-	267	12,750	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2001	1,500	570	-5 %	-62%	17,113	85	8,800	0	KIS	STB	10,999	1	17/06/2020
CSTB2002	1,700	1,330	-2.92 %	-22%	18,164	267	8,800	22	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CTCB1902	5,300	480	0 %	-91%	1,572	73	16,100	0	VND	TCB	21,000	1	05/06/2020
CTCB2001	1,700	120	9.09 %	-93%	202	90	16,100	0	HCM	TCB	23,000	2	22/06/2020
CVHM1902	18,600	170	-95.75 %	-99%	2,808	29	55,300	(0)	SSI	VHM	85,000	1	22/04/2020
CVHM2001	3,100	800	-21.57 %	-74%	111	267	55,300	1	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVIC1902	22,700	40	33.33 %	-100%	4,774	29	71,500	-	SSI	VIC	115,000	1	22/04/2020
CVIC1903	2,100	40	0 %	-98%	35,601	52	71,500	(0)	KIS	VIC	123,000	10	15/05/2020
CVIC2001	3,800	1,130	-48.17 %	-70%	10	267	71,500	0	KIS	VIC	126,468	5	16/12/2020
CVJC1902	27,900	50	-28.57 %	-100%	4,401	29	96,500	(0)	SSI	VJC	130,000	1	22/04/2020
CVJC2001	2,400	-	0 %	-100%	-	267	96,500	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVNM1902	1,900	10	0 %	-99%	249,158	2	86,100	-	HSC	VNM	133,333	10	26/03/2020
CVNM1903	26,600	380	-2.56 %	-99%	290	29	86,100	(0)	SSI	VNM	120,000	1	22/04/2020
CVNM1904	1,900	20	0 %	-99%	22,229	15	86,100	-	HSC	VNM	133,000	10	08/04/2020
CVNM1905	2,500	30	0 %	-99%	6,708	35	86,100	(0)	MBS	VNM	126,800	10	28/04/2020
CVNM2001	1,700	290	163.64 %	-83%	5,340	90	86,100	0	HCM	VNM	118,983	10	22/06/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2002	3,200	820	17.14 %	-74%	990	267	86,100	1	KIS	VNM	141,111	5	16/12/2020
CVPB2001	1,500	1,480	42.31 %	-1%	6,117	90	19,500	164	HCM	VPB	20,000	2	22/06/2020
CVPB2002	1,000	260	62.5 %	-74%	1,995	15	19,500	0	VPBS	VPB	20,300	2	08/04/2020
CVPB2003	2,200	2,000	5.82 %	-9%	250	120	19,500	59	VCI	VPB	22,000	1	22/07/2020
CVRE1902	1,300	20	-33.33 %	-98%	23,651	15	17,700	-	HSC	VRE	32,500	4	08/04/2020
CVRE1903	2,700	40	-20 %	-99%	22,510	52	17,700	(0)	KIS	VRE	35,789	2	15/05/2020
CVRE2001	1,500	120	-14.29 %	-92%	9,750	(70)	17,700	(4,861)	KIS	VRE	36,789	4	14/01/2020
CVRE2002	1,400	90	80 %	-94%	2,004	90	17,700	0	HCM	VRE	32,000	4	22/06/2020
CVRE2003	3,000	420	-14.29 %	-86%	209	267	17,700	0	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
DXG (New)	HOSE	9,410	15,970	18/03/2020	1,283	2,817	18,715	11%	5%	4.8	0.9	-
MSN (New)	HOSE	49,100	69,980	18/03/2020	3,355	2,870	47,428	7%	3%	23.7	1.4	-
POW (New)	HOSE	7,530	16,100	13/03/2020	3,529	1,294	14,126	11%	7%	12.4	1.1	0%
HVN (New)	HOSE	18,300	21,300	13/03/2020	1,558	950	13,139	8%	2%	22.4	1.6	3%
TCB	HOSE	16,100	24,500	12/03/2020	12,047	3,442	20,737	15%	3%	7.2	1.2	0%
FPT	HOSE	44,500	52,300	11/03/2020	4,444	4,832	17,843	24%	12%	11.0	2.9	20%
ACB	HNX	19,600	27,100	02/03/2020	6,796	4,206	19,672	25%	2%	6.4	1.4	10%
NLG	HOSE	18,500	35,560	28/02/2020	1,108	4,261	24,839	18%	11%	6.1	1.0	1%
HPG	HOSE	17,100	24,000	27/02/2020	6,696	2,400	19,514	12%	6%	10.0	1.2	0%
MWG	HOSE	68,800	128,200	27/02/2020	4,835	10,664	35,484	30%	10%	12.0	3.6	15%
VJC	HOSE	96,500	120,000	18/02/2020	4,524	8,293	34,498	24%	7%	14.3	3.4	10%
DGW	HOSE	17,600	31,500	13/02/2020	202	4,837	26,814	18%	6%	6.5	1.2	5%
PNJ	HOSE	51,400	99,800	04/02/2020	1,492	6,624	24,291	27%	15%	15.1	4.1	8%
VPB	HOSE	19,500	27,500	16/01/2020	7,785	3,077	16,496	20%	2%	N/A	N/A	0%
TNG	HNX	9,100	18,400	15/01/2020	237	3,801	17,718	22%	8%	3.9	0.8	20%
VNM	HOSE	86,100	136,700	30/12/2019	10,682	5,865	16,278	40%	24%	20.7	7.4	50%
NVL	HOSE	52,000	64,475	27/12/2019	3,309	3,154	22,311	14%	5%	17.7	2.4	0%
VCB	HOSE	58,000	96,200	18/12/2019	19,925	5,372	23,779	26%	2%	7.4	1.8	0%
SBT	HOSE	12,750	19,660	11/12/2019	399	656	12,339	5%	2%	30.0	1.6	6%
GEG	HOSE	19,150	N/A	05/12/2019	267	1,060	11,512	10%	4%	N/A	N/A	7%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2019 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.